

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

Số: 23 /2014/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Gia Lai, ngày 04 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

BAN HÀNH QUY ĐỊNH PHÂN CẤP TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC SẠCH NÔNG THÔN TẬP TRUNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND năm 2004;

Căn cứ Luật Tài nguyên Nước năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Theo Quyết định số 366/QĐ-TTg ngày 31/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn giai đoạn 2012-2015;

Căn cứ Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài Chính quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 151/TTr-SNN ngày 04/7/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp trách nhiệm quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Y tế, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Thế Dũng

QUY ĐỊNH

PHÂN CẤP TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC SẠCH NÔNG THÔN TẬP TRUNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 23/2014/QĐ-UBND, ngày 04/12/2014 của UBND tỉnh Gia Lai)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng và phạm vi điều chỉnh

1. Đối tượng áp dụng: Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng và khai thác các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh Gia Lai.
2. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này áp dụng đối với các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung được đầu tư từ ngân sách nhà nước, có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc một phần ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Nước sạch nông thôn là nước phải đảm bảo theo QCVN 02: 2009/BYT được ban hành theo Thông tư số 05/2009/TT-BYT ngày 17/6/2009 của Bộ Y tế về ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt”.
2. Công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung là một hệ thống gồm các công trình khai thác, xử lý nước, mạng lưới đường ống cung cấp nước sạch đến nhiều hộ gia đình hoặc cụm dân cư sử

dụng nước ở nông thôn và các công trình phụ trợ có liên quan; bao gồm các loại hình: cấp nước tự chảy, cấp nước sử dụng bơm động lực, cấp nước bằng công nghệ hồ treo.

3. Công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung có công nghệ phức tạp là công trình phải xử lý nước bằng biện pháp lắng, lọc hoặc phải dùng các bể áp lực; dùng hóa chất hoặc dùng máy bơm nhiều cấp.

Điều 3. Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho mọi cơ quan, tổ chức, đơn vị tham gia quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Các hoạt động liên quan đến việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung ngoài những nội dung trong quy định này, thực hiện theo quy định tại Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài Chính quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung và các quy định khác có liên quan.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Trách nhiệm của chủ đầu tư công trình

1. Thực hiện đầu tư xây dựng công trình theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng. Trong quá trình chuẩn bị đầu tư cần lấy ý kiến tham gia của cộng đồng dân cư và chính quyền địa phương về dự án đầu tư hoặc báo cáo kinh tế-kỹ thuật, cam kết sử dụng và trả tiền sử dụng nước của hộ gia đình.
2. Phối hợp với chính quyền địa phương xác định đơn vị quản lý công trình khi lập dự án hoặc báo cáo đầu tư; đồng thời đơn vị được giao quản lý công trình có trách nhiệm cử người tham gia với chủ đầu tư trong việc tổ chức lập dự án, thiết kế, thi công, nghiệm thu và tiếp nhận công trình vào khai thác, sử dụng.
3. Tổ chức lập và phê duyệt quy trình bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa công trình theo quy định tại Nghị định số 114/2010/NĐ-CP ngày 06/12/2010 của Chính phủ về bảo trì công trình xây dựng.
4. Hoàn thiện hồ sơ công trình theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài Chính quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung.

Điều 6. Đơn vị quản lý công trình

1. Tổ chức hoạt động và tài chính của đơn vị quản lý công trình:

- Hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã, Bộ Luật Dân sự, Bộ Luật Lao động và các quy định pháp luật liên quan khác.

- Kinh phí hoạt động của các đơn vị quản lý công trình chủ yếu từ nguồn thu tiền sử dụng nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

- Đối với công trình cấp nước cho nhân dân ở địa bàn thôn (làng) thuộc diện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, không thu được tiền sử dụng nước thì kinh phí bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa công trình, hỗ trợ cho công tác quản lý, vận hành do UBND cấp huyện xem xét, cấp bù từ ngân sách địa phương để đảm bảo công trình hoạt động bền vững.

2. Trách nhiệm của đơn vị quản lý công trình:

- Nhận bàn giao công trình để quản lý, sử dụng và khai thác khi đủ các tài liệu, hồ sơ quy định tại Điều 5 của Quy định này và các hồ sơ liên quan khác theo quy định của pháp luật.

- Lập phương án quản lý, vận hành, khai thác công trình trình UBND cấp huyện phê duyệt; tổ chức quản lý, vận hành, khai thác công trình theo phương án đã được duyệt.

Đối với những công trình có quy mô nhỏ, tổ chức quản lý, sử dụng và khai thác theo mô hình cộng đồng, hộ gia đình thì UBND cấp huyện ủy quyền cho UBND cấp xã phê duyệt.

- Thực hiện bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa công trình theo quy trình được phê duyệt và chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng và khai thác công trình phát huy hiệu quả bền vững.

- Thực hiện công tác kế toán, báo cáo thống kê, báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất về công tác quản lý, sử dụng và khai thác công trình theo quy định; chịu trách nhiệm về tính chính xác của các báo cáo và tuân thủ sự kiểm tra, thanh tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Các công trình do UBND cấp xã tổ chức quản lý, sử dụng và khai thác thì UBND cấp xã thực hiện nghĩa vụ này và có trách nhiệm công khai tài chính.

- Có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho khách hàng sử dụng nước do những sai sót trong quá trình cung cấp dịch vụ không đúng với các điều khoản ghi trong Hợp đồng dịch vụ cấp nước theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Tiêu chí phân cấp quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung

1. Công trình có quy mô cấp nước từ 300 m³/ngày.đêm trở lên (tương đương cấp nước cho 820 hộ trở lên) hoặc có công nghệ phức tạp, giao cho đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp quản lý, sử dụng và khai thác.

2. Công trình có quy mô dưới 300 m³/ngày.đêm (tương đương cấp nước cho dưới 820 hộ), giao cho UBND cấp xã tổ chức quản lý, sử dụng và khai thác.

Trường hợp trên địa bàn có đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp đang làm nhiệm vụ quản lý, sử dụng và khai thác thì giao cho các đơn vị này thực hiện.

Chương III

MÔ HÌNH TỔ CHỨC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC SẠCH NÔNG THÔN TẬP TRUNG

Điều 8. Mô hình do UBND cấp xã tổ chức quản lý, sử dụng và khai thác:

1. Mô hình quản lý, sử dụng và khai thác cộng đồng

1.1 Điều kiện áp dụng:

- Công trình có công suất dưới 300 m³/ngày.đêm (tương đương cấp nước cho dưới 820 hộ).
- Phạm vi cấp nước cho một xóm, làng thường áp dụng cho công trình cấp nước tự chảy.

1.2. Tổ chức và nhân sự:

Tổ quản lý, vận hành khai thác công trình do người sử dụng nước bầu, gồm 2 - 3 thành viên tùy theo quy mô công trình, bao gồm 01 tổ trưởng (tổ trưởng có thể là trưởng thôn, trưởng bản hoặc già làng), 01 đến 02 nhân viên làm nhiệm vụ vận hành, duy tu, bảo dưỡng, theo dõi, kiểm tra chất lượng nước và cử ra 01 nhân viên làm nhiệm vụ thu tiền sử dụng nước kiêm thủ quỹ.

1.3. Nhiệm vụ tổ quản lý, vận hành:

- Trực tiếp quản lý, vận hành khai thác công trình cấp nước theo phương án được duyệt.
- Thực hiện bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa công trình theo quy trình bảo trì được duyệt.
- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra hoạt động của toàn hệ thống cấp nước đảm bảo cung cấp đầy đủ nước cho người sử dụng.
- Thu tiền nước theo đúng quy định và lập báo cáo tài chính thu-chi công khai, minh bạch.
- Được đào tạo, tập huấn về nghiệp vụ chuyên môn vận hành, duy tu bảo dưỡng công trình.

a) Tổ trưởng:

Chịu trách nhiệm trước người sử dụng nước về công tác tài chính, kỹ thuật, vận hành, bảo dưỡng công trình.

b) Nhân viên thu tiền kiêm thủ quỹ:

- Quản lý sổ sách, hóa đơn thu tiền nước.

- Thu tiền nước theo giá phê duyệt của cấp có thẩm quyền.
- Lập báo cáo cân đối hàng tháng.

c) Cán bộ vận hành, bảo dưỡng:

- Vận hành hệ thống cung cấp nước.
- Thực hiện định kỳ bảo dưỡng, sửa chữa các hư hỏng.
- Có thể tham gia thu tiền nước.

1.4. Trang thiết bị, cơ sở vật chất:

Các thiết bị, dụng cụ cho việc vận hành, sửa chữa: dụng cụ cơ khí, dụng cụ sửa chữa điện, dụng cụ sửa chữa và đào đắp đường ống.

2. Mô hình quản lý, sử dụng và khai thác tư nhân, hộ gia đình (tùy theo điều kiện từng công trình, UBND cấp xã xem xét, quyết định triển khai thực hiện mô hình này nếu mang lại hiệu quả tốt hơn).

2.1. Điều kiện áp dụng: như mô hình quản lý, sử dụng và khai thác cộng đồng.

2.2. Tổ chức và nhân sự:

Sử dụng người trong gia đình hoặc thuê lao động ngoài xã hội để quản lý, vận hành khai thác, bảo dưỡng công trình.

2.3. Nhiệm vụ:

- Quản lý, vận hành công trình cấp nước theo phương án được phê duyệt.
- Thực hiện bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa công trình theo quy trình bảo trì được duyệt.
- Thu tiền nước theo giá phê duyệt của cấp có thẩm quyền.
- Công nhân vận hành, duy tu bảo dưỡng công trình được đào tạo, tập huấn về quy trình vận hành, duy tu bảo dưỡng công trình.

2.4. Trang thiết bị, cơ sở vật chất:

- Các thiết bị, dụng cụ cho việc vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa công trình: dụng cụ cơ khí, dụng cụ sửa chữa điện, dụng cụ sửa chữa và đào đắp đường ống.
- Thiết bị liên lạc: điện thoại.

Điều 9. Mô hình tổ chức quản lý, sử dụng và khai thác đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp:

1. Điều kiện áp dụng:

- Công trình có công suất từ 300m³/ngày.đêm trở lên (tương đương cấp nước cho 820 hộ trở lên).
- Phạm vi cấp nước cho một thôn, liên thôn, xã, liên xã.

2. Phương thức hoạt động và cơ cấu tổ chức theo quyết định thành lập, quy chế hoạt động do cấp có thẩm quyền phê duyệt, Luật Doanh nghiệp, Bộ Luật Lao động, Bộ Luật dân sự và các quy định pháp luật liên quan khác.

3. Quyền lợi và nhiệm vụ:

a) Quyền lợi:

- Được hưởng các chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư theo quy định.
- Được đầu tư để nâng cấp, mở rộng công trình trên cơ sở quy hoạch và có phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Được chuyên nhượng một phần hay toàn bộ quyền kinh doanh dịch vụ cấp nước cho các tổ chức, cá nhân khác nhưng phải có ý kiến chấp thuận của UBND cấp có thẩm quyền hoặc cơ quan được ủy quyền đã ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước với đơn vị cấp nước đó.
- Được thu tiền nước của các hộ gia đình, cá nhân và tổ chức sử dụng nước theo giá phê duyệt của cấp có thẩm quyền.
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

b) Nhiệm vụ:

- Thực hiện các quy định trong giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước.
- Quản lý, vận hành khai thác công trình cấp nước theo phương án được phê duyệt.
- Thực hiện bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa công trình theo quy trình bảo trì được duyệt.
- Thực hiện các quy định của pháp luật về tài nguyên nước và bảo vệ môi trường.
- Kiểm tra chất lượng nước:
 - + Thực hiện chế độ kiểm tra chất lượng nước định kỳ; thường xuyên tự kiểm tra vệ sinh nước sạch nông thôn theo quy định của Bộ Y tế.

+ Chịu trách nhiệm về chất lượng nước cung cấp cho khách hàng sử dụng; kịp thời khắc phục, xử lý khi nước không đạt tiêu chuẩn vệ sinh theo quy định.

- Thực hiện đúng thỏa thuận dịch vụ cấp nước sạch nông thôn đã ký kết.

- Thực hiện công tác kế toán, thống kê, nghĩa vụ thuế, chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật.

- Có kế hoạch phòng chống thiên tai, phòng ngừa, ngăn chặn những hành vi gây thiệt hại, hư hỏng công trình nhằm đảm bảo chất lượng nước liên tục và hiệu quả.

- Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, các ngành liên quan và người tiêu dùng về chất lượng sản phẩm nước sạch.

- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của các cấp, các ngành

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai thi hành quyết định này.

2. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Xây dựng và các sở, ngành, đơn vị liên quan xây dựng khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh phù hợp với điều kiện kinh tế-xã hội của địa phương và phù hợp với khung giá do Bộ Tài chính quy định, trình UBND tỉnh phê duyệt.

3. Sở Y tế:

a) Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện kiểm tra chất lượng nước sạch trên địa bàn tỉnh theo quy định của Bộ Y tế.

b) Bảo đảm nhân lực, trang thiết bị và bố trí kinh phí (trong ngân sách hàng năm) cho việc thực hiện kiểm tra chất lượng nước sạch trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường:

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực khai thác, sử dụng tài nguyên nước đối với các đơn vị cấp nước sạch nông thôn tập trung.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Có trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với Chương trình cấp nước sạch nông thôn ở địa phương. Hướng dẫn, chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc quản lý, vận hành, bảo vệ, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung theo đúng quy định.

b) Thường xuyên kiểm tra, chỉ đạo các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong việc bảo vệ nguồn nước và các công trình cấp nước; phát hiện và ngăn chặn kịp thời mọi hành vi làm ảnh hưởng đến môi trường nguồn nước; làm thiệt hại đến các công trình cấp nước và các hành vi lãng phí, gây thất thoát hay sử dụng trái phép nguồn nước sạch.

c) Đối với các công trình được đầu tư trước ngày Quy định này có hiệu lực do địa phương đang quản lý, khai thác UBND cấp huyện có trách nhiệm tổ chức lập phương án quản lý, vận hành khai thác và bảo trì, bảo dưỡng công trình.

d) Bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách của địa phương để duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa công trình do UBND cấp huyện làm chủ đầu tư.

e) Phê duyệt phương án giá tiêu thụ nước sạch do các đơn vị quản lý công trình cấp nước sinh hoạt trên địa bàn lập trên cơ sở đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đơn vị cấp nước và người sử dụng nước, phù hợp với phương án giá nước đã được UBND tỉnh phê duyệt.

f) Chịu trách nhiệm về tình hình hoạt động của các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn quản lý. Báo cáo tình hình thực hiện công tác cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn về Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

6. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Tổ chức triển khai thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước.

b) Có trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng và cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn quản lý; phối hợp với các ban ngành, đoàn thể tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức của nhân dân trong việc sử dụng nguồn nước đảm bảo vệ sinh phục vụ sinh hoạt hàng ngày, vận động nhân dân sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả và tham gia bảo vệ các công trình cấp nước.

c) Hòa giải các tranh chấp giữa đơn vị cấp nước và khách hàng sử dụng nước trên địa bàn xã theo quy định của pháp luật.

d) Hàng năm lập dự toán kinh phí duy tu, bảo dưỡng công trình do UBND cấp xã quản lý trình UBND cấp huyện xem xét, bố trí kinh phí để duy tu, bảo dưỡng công trình theo đúng quy định của pháp luật.

e) Chịu trách nhiệm về tình hình hoạt động bền vững của các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung do UBND cấp xã tổ chức quản lý.

Điều 11. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.